**Mẫu số 02**

(Ảnh màu 4x6cm / Colour photo)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Socialist Republic of Vietnam*
*Independence - Freedom – Happiness*

**GIẤY XÁC NHẬN**
**KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG**
**CERTIFICATION OF EXEMPTION FROM WORK PERMIT**
Số GXN/No CEWP: ….

1. Họ và tên *(In hoa)* / **Full name** *(In capital letters)*:
2. Ngày, tháng, năm sinh / **Date of birth**:
3. Giới tính (Nam/Nữ) / **Sex** *(Male/Female)*:
4. Quốc tịch / **Nationality**:
5. Số hộ chiếu / **Passport number**:
6. Mã số định danh cá nhân (nếu có) / **Personal Identification Number (If any)**:
7. Làm việc tại / **Working at**:
a) Tên người sử dụng lao động / **Name of employer**:
b) Vị trí công việc² / **Job assignment**:
Cụ thể, lĩnh vực làm việc³ / **Job field**:
c) Hình thức làm việc⁴ / **Working form**:
d) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)⁵ / **Working place**:

đ) Thời hạn làm việc / **Period of work**: Từ (ngày/tháng/năm) / **from**
*(day/month/year)* ………… đến (ngày/tháng/năm) / **to** *(day/month/year)* …………

1. Tình trạng giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động⁶ / **Status of certification of exemption from work permit**:

**Nơi nhận:**

* Như trên;
* Lưu: VT

|  |  |
| --- | --- |
|  | … , ngày … tháng … năm …**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Ghi chú:**

(1) Số GXN ghi theo thứ tự như sau: mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 2 chữ số cuối của năm cấp; loại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (cấp mới ký hiệu 1, gia hạn ký hiệu 2, cấp lại ký hiệu 3); số thứ tự (000.001).

Ví dụ: Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Hà Nội cấp mới năm 2025: Số GXN: 01.25.1.000.001

(2) Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

(3) Ghi cụ thể tên công việc/nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

(4) Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

(5) Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

(6) Ghi cụ thể: Cấp mới/Cấp lại (lần ...)/Gia hạn.